**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Mẫu 20a

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH VÀ KIỂM TRA XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN CÓ NGUỒN GỐC ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Số/No: #{fiHSCode}  *(Dành cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm tra ghi)* |  | Số/No: ...................................  *(Dành cho cơ quan kiểm tra ghi)* |

**Kính gửi: Cục Thú Y**

|  |
| --- |
| 1. Bên bán hàng / *Seller: (hãng,nước):*   #{fiSeller} |
| 1. Địa chỉ, Điện thoại, Fax / *Address, Phone, Fax:*   #{fiSellerContact} |
| 1. Nơi xuất hàng / *Port of departure:* #{fiSrcPortName} |
| 1. Bên mua hàng / *Buyer:* #{fiBuyerName}   Số CMND / Số hộ chiếu / Số định danh cá nhân, ngày cấp , nơi cấp: #{fiBuyerIdentity} |
| 1. Địa chỉ, Điện thoại, Fax */Address, Phone, Fax:* #{fiBuyerContact} |
| 1. Nơi nhận hàng / *Port of Destination:* #{fiDstPortName} |
| 1. Thời gian nhập khẩu dự kiến / *Importing date:* #{fiImportingDate} |
| **MÔ TẢ HÀNG HÓA/ *DESCRIPTION OF GOODS*** |
| 1. Tên hàng hóa/ *Name of goods:*   #{GoodsName}  Tên khoa học (nếu có): #{GoodsScienceName} |
| 1. Số lượng, khối lượng / *Quantity, Volume:*   Số lượng và loại bao bì : #{fiQuantityAndPackage}  Trọng lượng tịnh: #{FiGoodsNetWeight} Trọng lượng cả bì: #{FiGoodsGrossWeight} |
| 1. Xuất xứ hàng hóa: #{fiGoodsOrigin} |
| 1. Mục đích sử dụng: #{fiIntendedPurpose} |
| 1. Mã số công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được cấp phép lưu hành tại Việt Nam/ *Registration number:*   #{fiCirculateNo} |
| 1. Văn bản chấp thuận kiểm dịch động vật nhập khẩu (nếu có): #{fiProvidedDocument} |
| 1. Cơ sở sản xuất / *Manufacturer (hãng, nước sản xuất):*   #{fiManufacturer} |
| 1. Địa điểm tập kết hàng hóa / *Location of Storage:* #{fiStorageLocation} |
| 1. Ngày đăng ký lấy mẫu kiểm tra / *Date of sampling:* #{fiSamplingDate} |
| 1. Địa điểm đăng ký lấy mẫu kiểm tra / *Location for sampling:* #{fiSamplingLocation} |
| 1. Thông tin người liên hệ / *Contact person:* #{fiContact} |
| 1. Hợp đồng mua bán / *Contract*: #{fiContract} |
| 1. Hóa đơn mua bán / *Invoice*: #{fiInvoice} |
| 1. Phiếu đóng gói / *Packinglist*: #{fiPackingList} |
| **DÀNH CHO CƠ QUAN KIỂM TRA** |
| 1. Yêu cầu kiểm tra chỉ tiêu / *Analytical parameters required*: |
| 1. Chế độ kiểm tra chất lượng:   (Số văn bản xác nhận chế độ kiểm tra chất lượng trường hợp miễn/giảm) |
| 1. Thời gian kiểm tra / *Date of testing*: |
| 1. Đơn vị thực hiện kiểm tra: |
| Đối với hàng nhập khẩu, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan. Sau đó doanh nghiệp phải xuất trình toàn bộ hồ sơ và hàng hóa đã hoàn thành thủ tục hải quan cho cơ quan kiểm tra để được kiểm tra chất lượng theo quy định/ *This registration is used for customs clearance in term of imported goods. Consigner is required to submit to the inpection body, afterward, all related document of the imported goods* |
| Chúng tôi xin cam kết: Bảo đảm nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông/sử dụng sau khi được quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và Giấy xác nhận chất lượng |

|  |
| --- |
| *#{FiSigningLocation}, #{FiSignedDate}*  **Đại diện tổ chức, cá nhân**  (*ký tên, đóng dấu*)  **Đã ký**  **#{FiSignedByTitle}**  **#{FiSignedBy}**  **Xác nhận của cơ quan kiểm dịch và kiểm tra chất lượng**  Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm: .................................................................................... để làm thủ tục kiểm dịch và lây mẫu kiểm tra chất lượng vào hồi……......giờ, ngày…......tháng….....năm................... Sau khi có Giấy chứng nhận vận chuyển hoặc Giấy chứng nhền kiểm dịch động vật lô hàng có thể được đưa về kho bảo quản *(trừ hàng hảa phải kiểm tra ADN của loài nhai lại)* trong khi chờ kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khâu theo quy định pháp luật về hải quan (đối với chế độ kiểm tra thông thường, kiểm tra chặt)  Lô hàng chỉ được phép thông quan sau khi có Giấy chứng nhận kiểm dịch và Giấy xác nhận chất lượng thức ãn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu (đối với chế độ kiểm tra giảm có thời hạn, thông thưởng, kiểm tra chặt).  ......................, ngày..... ..tháng….. ..năm.............  **Đại diện cơ quan kiểm tra**  (*ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)  **Xác nhận của cơ quan Hải quan**  *(Trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)*  Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do: .....................................................  ...................., ngày.... ..tháng... ..năm...........  **Hải quan cửa khẩu....................................**  (*ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên*) |